

Số: 2199 /QĐ-BVHTTDL

Hà Nội, ngày 12 tháng 09 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong
lĩnh vực điện ảnh thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Căn cứ Nghị định số 79/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 08 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Điện ảnh và Chánh Văn phòng Bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực điện ảnh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các Tổng cục, Cục, Vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;
- Các Sở VH-TDL; Sở VHTT;
- Lưu: VT, CDA, VA.100.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG



Tạ Quang Đông

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG
LĨNH VỰC ĐIỆN ẢNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVHTTDL ngày tháng năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG				
1	1.000015	Thủ tục cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm có nội dung là phim không nhằm mục đích kinh doanh	Nghị định số 22/2022/NĐ-CP ngày 25/3/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh	Điện ảnh	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2	1.000822	Thủ tục giám định văn hóa phẩm xuất khẩu là các loại phim của các cơ quan, tổ chức hoặc phim hợp tác cung cấp dịch vụ làm phim cho nước ngoài chưa được công bố, phổ biến không nhằm mục đích kinh doanh	Nghị định số 22/2022/NĐ-CP ngày 25/3/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh	Điện ảnh	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

B	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP ĐỊA PHƯƠNG				
1		Thủ tục cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm có nội dung là phim không nhằm mục đích kinh doanh	Nghị định số 22/2022/NĐ-CP ngày 25/3/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh	Điện ảnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa, Thể thao
2.		Thủ tục giám định văn hóa phẩm xuất khẩu không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức cấp tỉnh	Nghị định số 22/2022/NĐ-CP ngày 25/3/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh	Điện ảnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa, Thể thao

PHẦN II

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC ĐIỆN ẢNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG

1. Thủ tục cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm có nội dung là phim không nhằm mục đích kinh doanh

* Trình tự thực hiện:

- Cá nhân, tổ chức có nhu cầu nhập khẩu văn hóa phẩm thuộc một trong các trường hợp dưới đây nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép qua Cổng dịch vụ công hoặc đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Cục Điện ảnh:

a) Văn hóa phẩm để trao đổi hợp tác, viện trợ; tham gia triển lãm, dự thi, liên hoan ở cấp quốc gia;

b) Phim để phát hành, phổ biến theo quy định của pháp luật trong toàn quốc;

c) Di vật, cổ vật để triển lãm hoặc trưng bày trong bảo tàng;

d) Văn hóa phẩm quy định tại Khoản 1 Điều 6 Nghị định này để phục vụ cho công tác chuyên môn nghiệp vụ hoặc nghiên cứu của các Bộ, ngành ở Trung ương, sau khi xin ý kiến bằng văn bản của Bộ, ngành có liên quan;

đ) Văn hóa phẩm để sử dụng hoặc các mục đích khác trong toàn quốc hoặc trên địa bàn nhiều địa phương khác nhau.

- Cục Điện ảnh tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, viết giấy biên nhận và hẹn thời gian trả giấy phép.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Điện ảnh cấp phép.

- Trường hợp Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cần xin ý kiến của các Bộ, ngành có liên quan để quyết định việc cấp phép nhập khẩu, thời hạn cấp phép có thể kéo dài nhưng tối đa không quá 10 ngày làm việc.

- Trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản nêu rõ lý do.

* Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ đề nghị cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Cục Điện ảnh hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

* Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thành phần hồ sơ:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép của cá nhân, tổ chức, trong đó ghi rõ loại văn hóa phẩm, nội dung, số lượng, xuất xứ, mục đích sử dụng và phạm vi sử

dụng (mẫu đơn do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành thống nhất trong cả nước);

b) Giấy chứng nhận bản quyền tác giả; hợp đồng; bản dịch tóm tắt bằng tiếng Việt nội dung phim và văn bản cam kết chịu trách nhiệm về nội dung phim nhập khẩu không vi phạm quy định của pháp luật;

c) Bản sao vận đơn hoặc giấy báo nhận hàng (nếu có).

* Thời hạn giải quyết: 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

* Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

* Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Điện ảnh.

* Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép nhập khẩu văn hóa phẩm.

* Phí, lệ phí: Không.

* Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn Đề nghị theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16/7/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về quản lý xuất nhập khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.

* Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

(1) Đối với văn hóa phẩm nhập khẩu là phim: Tổ chức có trách nhiệm cung cấp bản phim đã nhập khẩu và tờ khai hải quan (nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nộp bản sao có chứng thực trong trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện) trong vòng 30 ngày kể từ khi có giấy phép nhập khẩu để giám định.

(2) Cơ quan cấp giấy phép nhập khẩu có biên bản giám định và bàn giao phim căn cứ trên hồ sơ và tóm tắt nội dung phim.

(3) Cá nhân nhập khẩu phim chỉ để sử dụng cho mục đích cá nhân cam kết không vi phạm quy định cấm tại Luật Điện ảnh và sử dụng phim đúng với quy định của pháp luật.

* Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về quản lý xuất nhập khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.

- Nghị định số 22/2022/NĐ-CP ngày 25/3/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.

- Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16/7/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

- Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16/7/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về quản lý xuất nhập khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.

** Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.*

Mẫu số 03

BM.NK

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
(nếu là cơ quan, tổ chức)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP PHÉP NHẬP KHẨU VĂN HÓA PHẨM

Kính gửi: (Tên cơ quan cấp phép)

Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị nhập khẩu

Địa chỉ:.....

Điện thoại:Fax:.....

Đề nghị(tên cơ quan cấp phép) cấp phép nhập
khẩu văn hóa phẩm dưới đây:

Loại văn hóa phẩm:.....

Số lượng:

Nội dung văn hóa phẩm:

Gửi từ:

Đến:

Mục đích sử dụng:

Chúng tôi cam kết sở hữu hợp pháp đối với văn hóa phẩm nhập khẩu và xin cam
kết thực hiện đúng nội dung giấy phép nhập khẩu, quản lý, sử dụng văn hóa
phẩm nhập khẩu theo quy định của pháp luật./.**Người đề nghị cấp phép**
(nếu là cơ quan, tổ chức phải ký tên, ghi chức
vụ và đóng dấu)

2. Thủ tục giám định văn hóa phẩm xuất khẩu là các loại phim của các cơ quan, tổ chức hoặc phim hợp tác cung cấp dịch vụ làm phim cho nước ngoài chưa được công bố, phổ biến không nhằm mục đích kinh doanh

* Trình tự thực hiện:

- Cơ quan, tổ chức có văn hóa phẩm là các loại phim của các cơ quan, tổ chức hoặc phim hợp tác cung cấp dịch vụ làm phim cho nước ngoài chưa được công bố, phổ biến nộp trực tiếp hồ sơ đề nghị giám định văn hóa phẩm tại Cục Điện ảnh.

- Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong trường hợp đặc biệt, thời gian giám định tối đa không quá 15 ngày làm việc. Biên bản giám định là căn cứ để cơ quan Hải quan giải quyết thủ tục xuất khẩu.

* Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hồ sơ đến Cục Điện ảnh hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

* Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị giám định văn hóa phẩm xuất khẩu (mẫu số 04 ký hiệu BM.GĐ ban hành kèm theo Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh).

(2) Văn hóa phẩm đề nghị giám định.

(3) Bản sao quyết định cho phép hợp tác làm phim với nước ngoài của cơ quan có thẩm quyền.

- Số lượng hồ sơ: (01) bộ.

* Thời hạn giải quyết:

- Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong trường hợp đặc biệt, thời gian giám định tối đa không quá 15 ngày làm việc.

* Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân, tổ chức.

* Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Điện ảnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Điện ảnh.

* Kết quả thực hiện TTHC:

Biên bản giám định và niêm phong văn hóa phẩm xuất khẩu.

* Phí, lệ phí: Không.

* Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị giám định văn hóa phẩm xuất khẩu (mẫu số 04 ký hiệu BM.GĐ ban hành kèm theo Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh).

* Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không

* Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 04 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2012.

- *Nghị định số 22/2022/NĐ-CP ngày 25/3/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.*

- Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 04 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 9 năm 2012.

- Thông tư số 04/2016/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2012/TT-BVHTTDL; Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL; Thông tư số 88/2008/TT-BVHTTDL và Thông tư số 05/2013/TT-BVHTTDL. Có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.

- Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh. Có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2018.

* *Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.*

Mẫu số 04

BM.GĐ

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
(nếu là cơ quan, tổ chức)
-----**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**GIÁM ĐỊNH VĂN HÓA PHẨM XUẤT KHẨU**

Kính gửi: (Tên cơ quan giám định)

Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị giám định.....

Địa chỉ:

Điện thoại:

Đề nghị (tên cơ quan giám định) giám
định văn hóa phẩm xuất khẩu dưới đây:

Loại văn hóa phẩm:

Số lượng:

Nội dung văn hóa phẩm:

.....

Gửi từ:

Đến:

Mục đích sử dụng:

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về xuất khẩu
văn hóa phẩm./.**Người đề nghị giám định**
(nếu là cơ quan, tổ chức phải ký tên, ghi
chức vụ và đóng dấu)

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Thủ tục cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm có nội dung là phim không nhằm mục đích kinh doanh

* Trình tự thực hiện:

- Cá nhân, tổ chức nhập khẩu văn hóa phẩm trong các trường hợp dưới đây nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao:

a) Văn hóa phẩm để phục vụ công việc của cá nhân, tổ chức tại địa phương;
b) Văn hóa phẩm là quà biếu, tặng có giá trị vượt quá tiêu chuẩn miễn thuế theo quy định của pháp luật;

d) Di vật, cổ vật của cá nhân, tổ chức tại địa phương;

đ) Văn hóa phẩm do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ủy quyền cấp giấy phép.

e) Phim để phát hành, phổ biến theo quy định của pháp luật do Đài Phát thanh - Truyền hình địa phương nhập khẩu.

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, viết giấy biên nhận và hẹn thời gian trả giấy phép.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép phải cấp giấy phép.

- Cá nhân, tổ chức nhận giấy phép tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao hoặc qua đường bưu điện hoặc *cổng dịch vụ công*.

Trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản nêu rõ lý do.

* Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ đề nghị cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm qua *cổng dịch vụ công* hoặc đường bưu điện hoặc trực tiếp tại *Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao*.

* Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép của cá nhân, tổ chức, trong đó ghi rõ loại văn hóa phẩm, nội dung, số lượng, xuất xứ, mục đích sử dụng và phạm vi sử dụng (mẫu đơn do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành thống nhất trong cả nước);

b) Giấy chứng nhận bản quyền tác giả; hợp đồng; bản dịch tóm tắt bằng tiếng Việt nội dung phim và văn bản cam kết chịu trách nhiệm về nội dung phim nhập khẩu không vi phạm quy định của pháp luật; giấy ủy quyền; chứng nhận hoặc cam kết sở hữu hợp pháp đối với di vật, cổ vật;

c) Bản sao vận đơn hoặc giấy báo nhận hàng (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

** Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.*

Trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản nêu rõ lý do. *Thời gian giám định văn hóa phẩm nhập khẩu tối đa không quá 12 ngày làm việc.*

* Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân, tổ chức.

* Cơ quan giải quyết TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao.

* Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép nhập khẩu văn hóa phẩm.

* Phí, lệ phí: Không.

* Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu văn hóa phẩm (mẫu đơn số 03 ký hiệu BM.NK ban hành kèm theo Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh).

* Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

(1) Đối với văn hóa phẩm nhập khẩu là phim: Tổ chức có trách nhiệm cung cấp bản phim đã nhập khẩu và tờ khai hải quan (nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nộp bản sao có chứng thực trong trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện) trong vòng 30 ngày kể từ khi có giấy phép nhập khẩu để giám định.

(2) Cơ quan cấp giấy phép nhập khẩu có biên bản giám định và bàn giao phim căn cứ trên hồ sơ và tóm tắt nội dung phim.

(3) Cá nhân nhập khẩu phim chỉ để sử dụng cho mục đích cá nhân cam kết không vi phạm quy định cấm tại Luật Điện ảnh và sử dụng phim đúng với quy định của pháp luật.

* Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về quản lý xuất nhập khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.

- Nghị định số 22/2022/NĐ-CP ngày 25/3/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.

- Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16/7/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

- Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16/7/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về quản lý xuất nhập khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.

** Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.*

Mẫu số 03

BM.NK

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
(nếu là cơ quan, tổ chức)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng..... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP PHÉP NHẬP KHẨU VĂN HÓA PHẨM

Kính gửi: (Tên cơ quan cấp phép)

Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị nhập khẩu

.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:Fax:.....

Đề nghị(tên cơ quan cấp phép) cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm dưới đây:

Loại văn hóa phẩm:.....

Số lượng:

Nội dung văn hóa phẩm:

.....

Gửi từ:

Đến:

Mục đích sử dụng:

Chúng tôi cam kết sở hữu hợp pháp đối với văn hóa phẩm nhập khẩu và xin cam kết thực hiện đúng nội dung giấy phép nhập khẩu, quản lý, sử dụng văn hóa phẩm nhập khẩu theo quy định của pháp luật./.

Người đề nghị cấp phép
(nếu là cơ quan, tổ chức phải ký tên, ghi chức vụ và đóng dấu)

2. Thủ tục giám định văn hóa phẩm xuất khẩu không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức cấp tỉnh

* Trình tự thực hiện:

- Cá nhân, tổ chức có văn hóa phẩm là di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia để xuất khẩu nộp trực tiếp hồ sơ đề nghị giám định văn hóa phẩm tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao.

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao tổ chức giám định văn hóa phẩm:

- Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong trường hợp đặc biệt, thời gian giám định tối đa không quá 15 ngày làm việc.

* Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao.

* Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu văn hóa phẩm (mẫu đơn số 04 ký hiệu BM.GĐ ban hành kèm theo Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh).

(2) Văn hóa phẩm đề nghị giám định (bản gốc).

(3) Bản sao quyết định cho phép xuất khẩu di vật, cổ vật (bao gồm cả di vật, cổ vật tái xuất khẩu) của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(4) Tài liệu có liên quan chứng minh nguồn gốc, xuất xứ hợp pháp của di vật, cổ vật.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

* Thời hạn giải quyết:

- Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong trường hợp đặc biệt, thời gian giám định tối đa không quá 15 ngày làm việc.

* Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân, tổ chức.

* Cơ quan giải quyết TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao.

* Kết quả thực hiện TTHC: Biên bản giám định và niêm phong văn hóa phẩm xuất khẩu.

* Phí, lệ phí: Không.

* Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu văn hóa phẩm (mẫu đơn số 04 ký hiệu BM.GĐ ban hành kèm theo Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh).

* Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không

* Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 04 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2012.

- *Nghị định số 22/2022/NĐ-CP ngày 25/3/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.*

- Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 04 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 9 năm 2012.

- Thông tư số 04/2016/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2012/TT-BVHTTDL; Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL; Thông tư số 88/2008/TT-BVHTTDL và Thông tư số 05/2013/TT-BVHTTDL. Có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.

- Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh. Có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2018.

* *Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.*

Mẫu số 04

BM.GĐ

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
(nếu là cơ quan, tổ chức)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**GIÁM ĐỊNH VĂN HÓA PHẨM XUẤT KHẨU**

Kính gửi: (Tên cơ quan giám định)

Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị giám định.....

Địa chỉ:

Điện thoại:

Đề nghị (tên cơ quan giám định) giám
định văn hóa phẩm xuất khẩu dưới đây:

Loại văn hóa phẩm:

Số lượng:

Nội dung văn hóa phẩm:

Gửi từ:

Đến:

Mục đích sử dụng:

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về xuất khẩu
văn hóa phẩm./.**Người đề nghị giám định**
(nếu là cơ quan, tổ chức phải ký tên, ghi
chức vụ và đóng dấu)